

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1045/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

VIỆN QHXD HÀ NỘI

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 634

Ngày 01 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000
(đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mê Sở)**

Địa điểm: thuộc các quận, huyện: Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm - thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009, đã được hợp nhất tại Văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020, đã được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về quản lý cây xanh đô thị; số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị; số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

Căn cứ các quy hoạch ngành, chuyên ngành của quốc gia và thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4770/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng;

Căn cứ Văn bản số 4409/BNN-PCTT ngày 14/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở), thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 5296/BXD-QHKT ngày 21/12/2021 của Bộ Xây dựng về Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở), thành phố Hà Nội;

Căn cứ các Văn bản số 180-TB/TU ngày 22/3/2021 và số 666-TB/TU ngày 18/02/2022 của Thành ủy Hà Nội thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương đồ án Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở);

Căn cứ các Quy chuẩn Xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế Việt Nam và tài liệu pháp lý có liên quan.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội tại Tờ trình số: 1137/TTr- QHKT ngày 25/3/2022 và Báo cáo thẩm định số 1138/QHKT-BC ngày 25/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở) với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở).

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô nghiên cứu:

a) Vị trí: Trên địa bàn 55 phường, xã thuộc 13 quận, huyện: Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm – Thành phố Hà Nội.

b) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:

- Phía Bắc cơ bản lấy đến đê tả ngạn sông Hồng (thuộc các quận (huyện): Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm), giáp ranh giới các phân khu đô thị N1, N4, N8, N9, N10, N11, GN, GN(A), R6.

- Phía Nam cơ bản lấy đến đê hữu ngạn sông Hồng (thuộc các quận (huyện): Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín), giáp ranh giới các phân khu đô thị GS, H2-1, A6, H1-1, H1-4, H2-4, GS(A).

c) Quy mô nghiên cứu:

- Quy mô diện tích đất khoảng: 10.996,16 ha.

- Dự báo quy mô dân số tối đa đến năm 2030: 300.000 người.

Trong đó: + Dân số hiện có giữ lại cải tạo chỉnh trang: 215.000 người
+ Dân số đất nhóm nhà ở mới: 85.000 người.

3. Tính chất và chức năng chính:

- Là không gian thoát lũ sông Hồng đoạn qua khu vực đô thị trung tâm được xác định tại Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến

năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch trong không gian thoát lũ từ đề cấp 1 (tả ngạn) tới đề cấp đặc biệt (hữu ngạn) hiện có dựa trên nguyên tắc: Không nâng cao các tuyến đề bồi hiện có, không xây dựng đề bồi mới; Không thu hẹp không gian thoát lũ, không đề xuất giải pháp đề mới trong đề cũ (không gian thoát lũ theo đề mới trong không gian thoát lũ theo đề cũ); Không làm thay đổi mục tiêu và tiêu chuẩn phòng, chống lũ của hệ thống sông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016.

- Là trục không gian đặc trưng hành lang xanh: Cây xanh mặt nước, văn hóa lịch sử, cảnh quan chủ đạo của đô thị trung tâm, với các chức năng chính là công trình công cộng, các công viên cây xanh, văn hóa dịch vụ du lịch, giải trí biểu tượng của Thủ đô, phục vụ các hoạt động lễ hội, du lịch;

- Phát triển hệ thống giao thông và đầu mối hạ tầng kỹ thuật để cải thiện điều kiện sống theo hướng hiện đại, an toàn và khuyến khích các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ngoài trời (đi bộ, xe đạp,...); hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với các khu vực liên kề, đặc biệt là hệ thống đường trục và hệ thống mạng lưới đường ven sông; cầu/hầm nối kết đô thị hai bên sông (Tả ngạn/Bắc sông Hồng và Hữu ngạn/Nam sông Hồng), kết nối giao thông đường bộ và đường thủy, tạo điều kiện và động lực phát triển cho khu vực và thành phố;

- Hình thành trục không gian văn hóa – cảnh quan sinh thái Hồ Tây – Cổ Loa;

- Cải tạo chỉnh trang, tái thiết hệ thống dân cư hiện hữu được tồn tại, bảo vệ theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); bảo tồn các công trình di tích, kiến trúc có giá trị lịch sử, kết hợp khai thác quỹ đất phát triển mới tạo lập diện mạo cảnh quan đô thị hai bên sông Hồng;

- Xây dựng các tuyến đường cảnh quan, tuyến đường dành cho người đi bộ và xe đạp trên cơ sở kế thừa nghiên cứu quy hoạch cơ bản phát triển không gian sông Hồng, hoàn chỉnh toàn tuyến đi qua thành phố Hà Nội (mở rộng) phù hợp Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Thủ đô, định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Luật Đề điều và Luật Di sản văn hóa.

4. Nguyên tắc, quan điểm:

a) Nguyên tắc:

- Tuân thủ các quy định tại Luật Đề điều, Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ), phù hợp với quy định quản lý và thỏa thuận của các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan;

- Phù hợp định hướng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đã xác định tại Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ); đảm bảo sự thống nhất đồng bộ hệ thống quy hoạch;

- Tuân thủ các quy hoạch ngành, chuyên ngành đã được phê duyệt;

- Tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế;

- Trường hợp có nội dung vướng mắc vượt thẩm quyền thì báo cáo Cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Quan điểm:

Theo quy trình, quy định tại Luật Đề điều, Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ), trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể hóa phương án tổ chức không gian kiến trúc

cảnh quan khu vực hai bên sông Hồng theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ), định hướng các khu vực chức năng sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, an ninh – quốc phòng; Đảm bảo an toàn phòng chống lũ cho khu vực nội thành, cụ thể như sau:

- Khu vực lòng sông thực hiện theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ);

- Khu vực nghiên cứu phát triển mới: Việc triển khai thực hiện theo quy trình, quy định tại Điều 26 Luật Đề điều; Dự án (riêng) báo cáo và được cấp thẩm quyền cho phép;

- Khu vực dân cư hiện có:

- + Các khu vực dân cư hiện có được tồn tại, bảo vệ; được cải tạo, xây dựng mới công trình, nhà ở theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; được sử dụng thêm một phần bãi sông để bố trí mặt bằng tái định cư cho các hộ dân cư nằm rải rác gần khu vực, với diện tích không vượt quá 5% diện tích khu dân cư hiện có (theo Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ): Chính quyền địa phương, Cơ quan quản lý ngành nông nghiệp xác định ranh giới cụ thể làm cơ sở để quản lý đất đai, quy hoạch và đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- + Khu vực dân cư hiện có, chưa được nêu tại Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ): Tổng hợp vào phương án phòng chống lũ và đề điều liên quan sông Hồng phù hợp quy hoạch chuyên ngành; UBND Thành phố giao Chính quyền địa phương, Cơ quan quản lý ngành nông nghiệp xác định ranh giới và các nội dung pháp lý có liên quan, tích hợp cập nhật phù hợp vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội và Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- + Tại đồ án quy hoạch tính toán dự báo dân số cân đối với khả năng dung nạp hạ tầng trong tổng dân số khu vực đô thị trung tâm, đề xuất hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội kèm theo để làm cơ sở quản lý.

- + Các khu vực phải di dời đảm bảo yêu cầu thoát lũ: Di dời các hộ dân cư vi phạm pháp luật về đề điều, nằm trong phạm vi bảo vệ đề điều, khu vực đang bị sạt lở nguy hiểm; Từng bước thực hiện di dời một số khu dân cư ở khu vực lòng sông co hẹp, nguy cơ mất an toàn khi có lũ lớn (theo Phụ lục II Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016): Nghiêm túc thực hiện và giao Chính quyền địa phương các cấp chịu trách nhiệm quản lý. Trường hợp điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có thay đổi, thì sẽ được cập nhật điều chỉnh vào quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng.

- + Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Thực hiện theo quy hoạch ngành, chuyên ngành kết cấu hạ tầng. Quá trình triển khai tuân thủ quy trình, quy định tại Luật Đề điều.

- + Các khu vực đất an ninh – quốc phòng: Cập nhật theo hiện trạng quản lý sử dụng. Trường hợp có biến động, báo cáo các cấp thẩm quyền xem xét.

+ Áp dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới để xử lý nền bảo đảm an toàn cho đê; Cao độ nền và mức độ tác động (%) vào nền hiện trạng đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều, cụ thể sẽ được xác định tại giai đoạn lập Quy hoạch ngành, chuyên ngành, Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và Dự án đầu tư.

- Các nội dung khác Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng hợp tại đồ án Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng các nội dung đề xuất điều chỉnh (đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Xây dựng thống nhất, phù hợp) làm định hướng việc tổ chức quản lý đất đai, quy hoạch, dự án đầu tư và xây dựng. Nội dung chi tiết sẽ được tích hợp, cập nhật trong Quy hoạch Thủ đô Hà Nội, Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ và đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình trong thời gian tới đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Quá trình triển khai, cụ thể hóa các Quy hoạch chi tiết Dự án đầu tư sẽ thống nhất ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Đê điều.

5. Nội dung quy hoạch:

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /ng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Tổng cộng	10.996,16		100,0	
I	Đất dân dụng	2.553,06	85,10	23,22	
1	Đất công cộng đô thị	156,28	5,21	1,42	Kết hợp nhiều chức năng, trụ sở hành chính, văn hóa, y tế, thương mại, dịch vụ, khách sạn, văn phòng,...
2	Đất cây xanh, thể dục thể thao đô thị	509,69	16,99	4,64	Bao gồm diện tích mặt nước.
3	Trường trung học phổ thông	15,87	0,53	0,14	
4	Đường giao thông đô thị	532,16		4,84	Đường trục chính đô thị, đường chính đô thị, đường liên khu vực.
5	Đơn vị ở	1.339,06	15,38	12,18	
5.1	Đất công cộng	46,16	1,54	0,42	
5.2	Đất cây xanh	78,71	2,62	0,72	Bao gồm diện tích mặt nước.
5.3	Đất trường tiểu học	25,03	0,83	0,23	
5.4	Đất trường trung học cơ sở	22,66	0,76	0,21	
5.5	Đất trường mầm non	23,60	0,79	0,21	
5.6	Đất nhóm nhà ở	120,70	14,20	1,10	
5.7	Đất nhóm nhà ở hiện có (*)	877,66	40,82	7,98	
5.8	Đất giao thông đơn vị ở	148,19	4,94	1,35	
a	Đất đường giao thông	75,76		0,69	
b	Đất bãi đỗ xe	72,43		0,66	
II	Đất ngoài dân dụng	5.198,70		47,28	
1	Đất dịch vụ - làng nghề	31,46		0,29	
2	Đất cơ quan	1,17		0,01	Các cơ quan hiện có
3	Đất tôn giáo, di tích	30,60		0,28	

4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	175,51	1,60	Cảng, Depot đường sắt, Trạm biến áp, trạm cấp nước, khu xử lý nước thải,...
5	Đất cây xanh	4.952,17	45,04	
5.1	Cây xanh chuyên đề	3.634,71	33,05	
5.2	Cây xanh cách ly phòng hộ	1.317,46	11,98	
6	Đất an ninh, quốc phòng	7,79	0,07	
III	Đất khác	3.244,40	29,50	
1	Mặt nước	3.244,40	29,50	
	Dân số (người)	300.000		
1	Dân cư trong đất ở hiện có	215.000		
2	Dân số trong đất nhóm nhà ở	85.000		

*. Ghi chú:

- Số liệu dân số hiện trạng (số khu, diện tích, số hộ dân, số dân) do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội khảo sát và xác định, chính quyền địa phương rà soát và cập nhật, được cân đối cục bộ quy mô dân số tính toán khi bổ sung Danh mục các khu dân cư hiện có ở khu vực bãi sông phù hợp với phương án phòng chống lũ và đề điều liên quan sông Hồng. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung theo số liệu điều tra, tính toán thực tế các khu dân cư cần di dời; các khu dân cư tập trung hiện có ở bãi sông; các khu vực bãi sông được phép xây dựng và được nghiên cứu xây dựng tại các Phụ lục II, III, IV, V của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ (trong phương án phòng chống lũ và đề điều liên quan sông Hồng).

- Khi triển khai các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư tại giai đoạn tiếp theo cần xem xét cụ thể các nội dung về nguồn gốc, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất,... để giải quyết, đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yếu tố không chế trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị, phù hợp với pháp lý về đất đai, đầu tư, xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, các quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch, kiến trúc.

- (*) Trong đất nhóm nhà ở hiện có bao gồm: đất xây dựng nhà ở; công trình phục vụ đời sống dân cư: vườn hoa, sân chơi, đường giao thông, hạ tầng; đất vườn, ao gắn với nhà ở trong cùng thửa đất (thuộc nhóm ở khu dân cư hiện có); và đất khác trong khu dân cư, làng xóm hiện có,... sẽ được cụ thể hóa ở quy hoạch có tỷ lệ bản đồ lớn hơn.

b) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

*. Nguyên tắc chung:

- Triển khai cụ thể hóa định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ), Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

- Định hướng về chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan, các khu vực chức năng sử dụng đất, cao độ nền các bãi sông theo quy định tại Luật Đề điều và thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại văn bản số 4409/BNN-PCTT ngày 14/7/2021), Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và thỏa thuận của Bộ Xây dựng (tại văn bản số 5296/BXD-QHKT ngày 21/12/2021);

- Quản lý khu vực dân cư hiện có được tồn tại, bảo vệ theo quy định, không để phát sinh thêm về số khu, diện tích, số hộ dân ngoài bãi sông, xây dựng kế hoạch và lộ trình di dời các khu vực dân cư ở khu vực lòng sông co hẹp, mất an toàn khi có lũ lớn

và các hộ dân vi phạm pháp luật về đê điều, nằm trong phạm vi ảnh hưởng về đê điều, khu vực đang bị sạt lở theo quy định và lộ trình giãn dân đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường sống tốt tại khu vực.

- Quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ đê điều, đất bãi sông, bãi nổi theo đúng quy định của pháp luật về đê điều, chống lấn chiếm vi phạm, nhất là sau khi hình thành các tuyến đường ở bãi sông theo quy hoạch.

- Quỹ đất 5% diện tích khu dân cư hiện có (theo Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ) ưu tiên phục vụ nhu cầu di dân, dẫn dân, tái định cư tại chỗ. Các khu vực chỉnh trang, tái thiết đô thị được nghiên cứu cụ thể trong các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư được cấp thẩm quyền chấp thuận, trên nguyên tắc ưu tiên: các công trình hạ tầng xã hội, cây xanh vườn hoa, sân chơi thể dục thể thao, công cộng đô thị, thương mại dịch vụ; các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bãi đỗ xe (phục vụ dân cư khu vực, mật độ xây dựng thấp, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định hiện hành).

- Các khu vực tổng hợp, tích hợp, cập nhật vào quy hoạch chuyên ngành, phương án phòng chống lũ và đê điều; Quy hoạch Thủ đô Hà Nội; Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định bao gồm:

+ *Các khu vực được giữ lại theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô nhưng chưa có tên trong Quy hoạch phòng chống lũ và đê điều:* Các khu vực dân cư hiện có giữ lại, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết theo quy hoạch xây dựng chưa có trong Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các khu dân cư hiện có đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất được tồn tại, bảo vệ tại Văn bản số 4409/BNN-PCTT ngày 14/7/2021, bao gồm: Các khu vực dân cư hiện có ở bãi sông thuộc các quận Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng. Trừ một số khu dân cư ở khu vực lòng sông co hẹp, nguy cơ mất an toàn khi có lũ lớn, các khu vực còn lại được tồn tại, bảo vệ; được cải tạo, xây dựng mới công trình, nhà ở theo quy hoạch xây dựng, đô thị, quy hoạch sử dụng đất; được sử dụng thêm một phần bãi sông để bố trí mặt bằng tái định cư cho các hộ dân cư nằm rải rác gần khu vực, với diện tích không vượt quá 5% diện tích khu dân cư hiện có (theo Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ), Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương và các hộ dân phải có phương án chủ động đảm bảo an toàn trong trường hợp xảy ra lũ lớn.

+ *Các khu vực Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô xác định không xây dựng, phát triển đô thị; Quy hoạch phòng chống lũ và đê điều cho phép có thể nghiên cứu xây dựng:* Các khu vực bãi sông (nơi chưa có công trình xây dựng) Đông Dư – Bát Tràng, Kim Lan – Văn Đức, Hoàng Mai – Thanh Trì: Thuộc Phụ lục V Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ có thể nghiên cứu để khai thác sử dụng cho phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Đê điều; diện tích xây dựng không được vượt quá 5% diện tích bãi sông.

+ *Các khu vực có tên trong Phụ lục II Quy hoạch phòng chống lũ và đê điều:* bao gồm Võng La – Hải Bối, Bát Tràng và một số khu dân cư khác,...thuộc khu vực phải di dời: Thực hiện quản lý theo đúng quy định tại Luật Đê điều. Trường hợp khi Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong các quy hoạch chuyên ngành phòng chống lũ, đê điều có thay đổi, điều chỉnh (được tồn tại hoặc tồn tại một phần) thì sẽ được cập nhật phù hợp điều chỉnh vào quy hoạch phân khu để quản lý theo quy hoạch xây dựng, đô thị.

*. *Cụ thể về phân đoạn quản lý phát triển; phân bổ quỹ đất theo chức năng sử dụng đất; phân bổ quỹ đất theo đoạn tuyến; phân bổ quỹ đất theo từng bãi sông; và các yêu cầu trong quá trình triển khai giai đoạn tiếp theo như sau:*

b.1) Phân đoạn quản lý phát triển: gồm 03 phân đoạn chính:

- Từ cầu Hồng Hà tới cầu Thăng Long (đoạn R1-R2): Là khu vực phát triển không gian sinh thái, bảo tồn tính tự nhiên trên cơ sở các làng xóm ven đô được dần đô thị hóa và đất bãi, đất nông nghiệp (trồng rau, hoa màu, cây cảnh...) của các huyện Mê Linh, Đông Anh, Đan Phượng, quận Bắc Từ Liêm. Khu vực này được định hướng phát triển công viên chuyên đề với mô hình trang trại sinh thái và nông nghiệp đô thị phục vụ du lịch và các khu vực đa chức năng gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận chuyển (cụm cảng Chèm).

- Từ cầu Thăng Long đến cầu Thanh Trì (đoạn R3-R4): Là khu vực trung tâm của phân khu đô thị sông Hồng, với phía Bắc gồm các khu vực làng xóm đô thị hóa thuộc huyện Đông Anh, quận Long Biên và khu vực đất bãi được nghiên cứu xây dựng, phía Nam thuộc các quận nội đô như Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai gồm đất ở đô thị với mật độ rất cao, đất bãi và khu vực bãi giữa. Khu vực này được định hướng là khu vực đa chức năng, với các công trình công cộng văn hóa, thương mại dịch vụ và các không gian cảnh quan thúc đẩy tiện nghi giải trí của đô thị ở khu vực bãi giữa, trục không gian lịch sử liên kết khu vực Hồ Tây – Cổ Loa.

- Từ Cầu Thanh Trì đến Cầu Mễ Sở (đoạn R5): Là không gian sinh thái trọng tâm của phân khu đô thị sông Hồng, với các khu vực nông nghiệp trồng rau màu, cây cảnh, các khu vực nuôi trồng thủy sản cùng các làng nông nghiệp truyền thống và các công trình di tích lịch sử, khu vực này được định hướng bảo tồn và khôi phục các giá trị tự nhiên và văn hóa phục vụ du lịch và phát triển các khu vực đa chức năng gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận chuyển (cảng Thanh Trì, Bát Tràng), làng nghề Bát Tràng.

(Mỗi đoạn nêu trên được phân chia thành các khu quy hoạch và ô quy hoạch (tương đương các đơn vị ở hoặc nhóm ở độc lập); ngoài các ô quy hoạch bao gồm các chức năng như đất giao thông, đất cây xanh TDTT đô thị, đất cây xanh chuyên đề... Việc tổ chức phân thành các khu quy hoạch và ô quy hoạch nhằm cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất và xác định quy mô dân số, bán kính phục vụ phù hợp Quy chuẩn xây dựng).

b.2) Phân bổ quỹ đất theo chức năng sử dụng đất:

b.2.1) Quy hoạch đất dân dụng:

* Đất công trình công cộng đô thị: Tổng diện tích đất khoảng 156,28ha, đạt chỉ tiêu 5,21m²/người.

* Đất cây xanh, thể dục thể thao: Tổng diện tích đất khoảng 509,69ha, đạt chỉ tiêu 16,99m²/người.

* Đất trường trung học phổ thông: Tổng diện tích đất khoảng 15,87ha, đạt chỉ tiêu 0,53m²/người.

* Đất đơn vị ở, nhóm nhà ở: Tổng diện tích đất khoảng 1.339,06ha, đạt chỉ tiêu 15,38m²/người.

* Đất giao thông đô thị: Bao gồm: Đường trục chính đô thị, đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực, đường khu vực; quảng trường; đường sắt đô thị và depot đường sắt đô thị,...; Hệ thống quảng trường tại các điểm giao cắt của các tuyến giao thông, trước các không gian công viên cây xanh và công trình công cộng.

b.2.2) Quy hoạch đất ngoài dân dụng:

- * Đất dịch vụ - làng nghề: Tổng diện tích đất khoảng 19,66ha.
- * Đất cơ quan: Tổng diện tích đất khoảng 1,17ha.
- * Đất công trình di tích, tôn giáo – tín ngưỡng: Tổng diện tích đất khoảng 30,60ha.
- * Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích đất khoảng 175,51ha.
- * Đất cây xanh chuyên đề: Tổng diện tích đất khoảng 3.650,01ha (bao gồm cả đất hạ tầng).
- * Đất cây xanh cách ly – phòng hộ: Tổng diện tích đất khoảng 1.317,46ha.
- * Đất an ninh, quốc phòng: Quản lý, sử dụng như hiện trạng với quy mô là quỹ đất còn lại sau khi mở đường theo quy hoạch. Việc chuyển đổi chức năng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố, quản lý và sử dụng đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ đối với khu dân cư theo quy định pháp luật.

* Đất mặt nước: Tổng diện tích đất khoảng 3.244,4ha.

b.3) Phân bổ quỹ đất theo đoạn tuyến:

- * Đoạn R1-R2 (từ cầu Hồng Hà đến cầu Thăng Long):
 - Khu vực Bắc sông Hồng có tổng diện tích khoảng 464,47ha, dân số khoảng 32.050 người, bao gồm 03 ô quy hoạch.
 - Khu vực Nam sông Hồng có tổng diện tích khoảng 82,47ha, dân số khoảng 7.900 người, bao gồm 02 ô quy hoạch.
 - Khu vực ngoài các ô quy hoạch có tổng diện tích khoảng 3.000,38 ha, gồm mặt nước sông Hồng, đất cây xanh (cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly – phòng hộ), đất tôn giáo – di tích, đất giao thông, đất công trình thủy lợi.
- * Đoạn R3-R4 (từ cầu Thăng Long đến cầu Thanh Trì):
 - Khu vực Bắc sông Hồng có tổng diện tích khoảng 328,68ha, dân số khoảng 53.350 người, bao gồm 06 ô quy hoạch.
 - Khu vực Nam sông Hồng có tổng diện tích khoảng 358,10ha, dân số khoảng 127.900 người, bao gồm 08 ô quy hoạch.
 - Khu vực ngoài các ô quy hoạch có tổng diện tích khoảng 3.408,68ha, gồm mặt nước sông Hồng, đất cây xanh (cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly – phòng hộ), đất tôn giáo – di tích, đất giao thông, đất công trình thủy lợi.
- * Đoạn R5 (từ cầu Thanh Trì đến cầu Mễ Sở):
 - Khu vực Bắc sông Hồng có tổng diện tích khoảng 579,35ha, dân số khoảng 34.800 người, bao gồm 02 ô quy hoạch.
 - Khu vực Nam sông Hồng có tổng diện tích khoảng 1.108,43ha, dân số khoảng 43.000 người, bao gồm 03 ô quy hoạch.
 - Khu vực ngoài các ô quy hoạch có tổng diện tích khoảng 1.534,96ha, gồm mặt nước sông Hồng, đất cây xanh (cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly – phòng hộ), đất tôn giáo – di tích, đất giao thông, đất công trình thủy lợi.

Các ô quy hoạch thể hiện ranh giới và diện tích tối đa có thể nghiên cứu xây dựng tại khu vực bãi sông. Việc bố trí các khu vực chức năng trong ô quy hoạch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết đảm bảo tuân thủ Quyết định 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b.4) Phân bổ quỹ đất xây dựng theo từng bãi sông:

b.4.a) Nguyên tắc phân bổ:

- Đảm bảo tuân thủ Luật Đất đai và Quy hoạch phòng chống lũ và đê điều. Phân bổ quỹ đất phù hợp với Văn bản số 4409/BNV-PCTT ngày 14/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đảm bảo quỹ đất để nâng cấp, củng cố hệ thống đê điều thuộc phạm vi quy hoạch, trong đó ưu tiên xử lý những trọng điểm, vị trí xung yếu (như cống Liên Mạc, khu vực đê Hải Bối, ...); hệ thống kè, chỉnh trị dòng chảy kết hợp chỉnh trang bờ, bãi sông; xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị, phần mềm phục vụ quản lý, giám sát hệ thống đê điều, công trình phòng, chống thiên tai.

- Vị trí, phạm vi, quy mô diện tích và các chỉ tiêu sử dụng đất của từng khu chức năng tại khu vực bãi sông được phép xây dựng và được nghiên cứu xây dựng sẽ được nghiên cứu cụ thể hóa ở tỷ lệ bản đồ lớn hơn hoặc điều chỉnh, bổ sung theo số liệu điều tra, tính toán thực tế, đảm bảo diện tích xây dựng có tác động vào nền địa hình, ảnh hưởng đến không gian phòng chống lũ không vượt quá tỷ lệ diện tích bãi sông được phép xây dựng theo quy định tại Quyết định số 257/QĐ-TTg và phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành.

b.4.b) Phân bổ quỹ đất xây dựng theo từng bãi sông cụ thể:

* Bãi Tầm Xá – Xuân Canh:

- Khu vực dân cư tập trung: 34,06ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực được quy hoạch xây dựng đô thị về phía tuyến đê hiện tại, diện tích xây dựng không được vượt quá 61,2ha (15% x 408ha).

* Bãi Thượng Cát – Liên Mạc:

- Khu vực dân cư tập trung: 36,46ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực có thể nghiên cứu xây dựng: diện tích tối đa 3,45 ha (5% x 69ha).

* Bãi Hoàng Mai – Thanh Trì:

- Khu vực dân cư tập trung: 425,04ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực có thể nghiên cứu xây dựng: diện tích tối đa 53,15ha (5% x 1.063ha).

* Bãi Chu Phan – Tráng Việt:

- Khu vực dân cư tập trung: 220ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực có thể nghiên cứu xây dựng: diện tích tối đa 12,7ha (5% x 254ha).

* Bãi Đông Dư – Bát Tràng:

- Khu vực dân cư tập trung: 103,96ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực có thể nghiên cứu xây dựng: diện tích tối đa 3,15 ha (5% x 63ha).

* Bãi Kim Lan – Văn Đức:

- Khu vực dân cư tập trung: 72ha (Khu vực mở rộng 5% diện tích dân cư hiện có).

- Khu vực có thể nghiên cứu xây dựng: diện tích tối đa 18,95 ha (5% x 379ha).

(Các khu vực bãi nêu trên được Thuyết minh, Bản vẽ, Quy định quản lý cụ thể hóa)

b.5) Các yêu cầu trong quá trình triển khai quy trình, quy định tiếp theo:

- Vị trí, ranh giới các lô đất trong Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng được xác định trên cơ sở bản đồ đo đạc hiện trạng tỷ lệ 1/5000, độ chính xác có hạn chế nhất định; Vị trí, ranh giới, chức năng các lô đất được xác định trên bản vẽ làm cơ sở

nghiên cứu quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng. Ranh giới, quy mô, chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cụ thể sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án đầu tư xây dựng đảm bảo tính pháp lý về hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất, trên cơ sở khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, địa chất công trình và phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thỏa thuận các nội dung liên quan đến an toàn thoát lũ, an toàn đê điều, trình Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của Điều 26 Luật Đê điều, đảm bảo phù hợp Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, được cập nhật kết quả vào Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng và không phải điều chỉnh quy hoạch phân khu này.

- UBND các quận, huyện lập bản vẽ ranh giới tỷ lệ 1/500 các khu dân cư hiện có được tồn tại, bảo vệ, chuyển Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác nhận sự phù hợp với Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Văn bản số 4409/BN-PCCTT ngày 14/7/2021), làm cơ sở để quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, trong giai đoạn tiếp theo quy định Pháp luật.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được tính toán đến mạng lưới đường khu vực, các chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đến từng ô quy hoạch (tương đương các đơn vị ở hoặc nhóm ở độc lập); quá trình triển khai lập tổng mặt bằng, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và dự án đầu tư xây dựng sẽ được tiếp tục cụ thể hóa theo quy trình quy định pháp luật có liên quan. Đối với các tuyến đường quy hoạch (từ đường phân khu vực trở xuống), sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện hiện trạng. Mạng lưới giao thông tại một số khu vực tại các khu dân cư tập trung hiện có được nghiên cứu cụ thể hóa trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đảm bảo về cơ sở pháp lý và phù hợp với thực tiễn, tính khả thi và hạn chế tối đa việc đền bù giải phóng mặt bằng, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và không phải điều chỉnh quy hoạch phân khu này.

- Định hướng chức năng sử dụng đất của từng ô quy hoạch được xác định dựa trên các yếu tố đề chính, đề bồi, bờ sông và các khu chức năng tiếp giáp. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của từng ô quy hoạch được xác lập tại bản vẽ là các chỉ tiêu "gộp" (Bruto) tối đa của đơn vị ở nhằm kiểm soát phát triển chung. Các chỉ tiêu này sẽ được xác định chính xác theo quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Trong quá trình triển khai lập quy hoạch hoặc dự án ở giai đoạn sau, có thể áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến nước ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định.

- Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của từng ô quy hoạch là chỉ tiêu chung của đơn vị ở nhằm kiểm soát phát triển cho từng khu vực. Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và các dự án đầu tư xây dựng: Vị trí, ranh giới, quy mô diện tích, dân số, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của từng lô đất sẽ được xác định cụ thể trên cơ sở đảm bảo chỉ tiêu chung của cả ô quy hoạch và theo quy hoạch phân khu, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, các quy định của pháp luật và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; Cho phép nghiên cứu, đề xuất hoán đổi vị trí, quy mô, ranh giới các lô đất trong đồ án quy hoạch, dự án đầu tư nhưng vẫn đảm bảo chỉ tiêu chung theo định hướng Quy hoạch phân khu được duyệt - được xác định là triển khai cụ thể hóa Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng và không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu này.

- Đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đã triển khai xây dựng phù hợp với Quy hoạch phân khu này thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt. Đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện đầu tư xây dựng hoặc đang triển khai thủ tục lập dự án đầu tư, cần được Cơ quan quản lý các cấp kiểm tra, rà soát, đối chiếu với Quy hoạch phân khu được phê duyệt, báo cáo kết quả rà soát và đánh giá tác động: Trường hợp có sự thay đổi về chức năng sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, phải báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, đảm bảo nguyên tắc cân đối chung về hạ tầng khu vực, phù hợp với các chỉ tiêu khung của ô quy hoạch, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Các lô đất chức năng được phép xây dựng và được nghiên cứu xây dựng, bao gồm các loại đất: công cộng đô thị; cây xanh và thể dục thể thao đô thị; trường trung học phổ thông; công cộng đơn vị ở; trường tiểu học, trung học cơ sở; trường mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo); cây xanh và thể dục thể thao đơn vị ở; nhóm nhà ở xây dựng mới; nhóm nhà ở hiện có (cải tạo chỉnh trang hoặc tái thiết); bãi đỗ xe; dịch vụ - làng nghề; cơ quan; di tích, tôn giáo; an ninh - quốc phòng; đầu mối hạ tầng kỹ thuật,...trong đó:

+ Đất công cộng đô thị bao gồm các chức năng chính: Trụ sở hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, thương mại, dịch vụ, khách sạn, văn phòng,... Vị trí, quy mô và các chỉ tiêu sử dụng đất sẽ được xác định cụ thể ở quy hoạch tỷ lệ lớn hơn.

+ Đất công cộng đơn vị ở bao gồm các chức năng chính: Trụ sở hành chính, văn hóa, y tế, thương mại, dịch vụ,... Vị trí, quy mô và các chỉ tiêu sử dụng đất sẽ được xác định cụ thể ở quy hoạch tỷ lệ lớn hơn.

+ Đất nhóm nhà ở hiện có được cải tạo chỉnh trang và các khu vực giáp ranh với đất ở hiện có được thực hiện theo quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng. Trong đó, bảo tồn và cải tạo các hồ, ao có vai trò tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường; quỹ đất trống (đất công) có kế hoạch sử dụng ưu tiên bố trí theo thứ tự: sân chơi, vườn hoa, công trình sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe, trạm điện, điểm tập kết rác,... phục vụ cộng đồng dân cư khu vực, tổ chức không gian chuyển tiếp giữa khu mới và khu cũ, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững của khu vực dân cư.

+ Các khu vực đất nhóm nhà ở hiện có xuống cấp, phần đất ở còn lại sau khi mở đường theo quy hoạch và một số các khu vực đất ở hiện có trong khu vực nội đô lịch sử (các quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Tây Hồ, Hai Bà Trưng) khi tiến hành cải tạo có thể đề xuất theo hướng cải tạo xây dựng mới, tái thiết đô thị để xây dựng các công trình hoặc cụm công trình theo hướng giảm mật độ xây dựng, dành không gian trống cho sân, vườn, giao thông nội bộ,... cải thiện không gian sống cho người dân trong khu vực.

+ Đất nhóm nhà ở xây dựng mới: Nghiên cứu bố trí tại khu vực bãi sông phù hợp (được phép xây dựng và được nghiên cứu xây dựng) theo hướng thuận dòng chảy và địa chất thủy văn của sông, mật độ xây dựng thấp, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan kết nối hài hòa, khai thác các chất liệu kiến trúc truyền thống và bền vững, gìn giữ giá trị văn hóa bản địa, đồng bộ về hạ tầng. Quỹ đất này dành ưu tiên cho tái định cư phục vụ nhu cầu di dân giải phóng mặt bằng khu vực dân cư hai bên sông và góp phần giảm áp lực cho khu vực nội đô lịch sử. Công trình thiết kế chịu lũ với tầng 1 theo hướng để trống hoặc sử dụng đỗ xe, sinh hoạt công cộng,... để thích ứng và giảm thiểu thiệt hại khi có lũ, tuân thủ Luật Đê điều, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Về quỹ đất nhà ở xã hội, tái định cư:

+ Trong các dự án đầu tư phát triển nhà ở thương mại cần dành diện tích đất ở hoặc nhà ở để ưu tiên phục vụ công tác di dân giải phóng mặt bằng (nếu có), phát triển

nhà ở xã hội, tuân thủ các Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành có liên quan. Trường hợp chính sách về nhà ở xã hội có thay đổi, UBND Thành phố sẽ xem xét cụ thể, chỉ đạo đảm bảo phù hợp quy định mới.

+ Trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư (giai đoạn sau), đất ở xây dựng mới cần xác định cụ thể hóa các quỹ đất theo thứ tự ưu tiên: Quỹ đất ở tái định cư phục vụ nhu cầu di dân giải phóng mặt bằng trong khu vực và đô thị; quỹ đất và nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp và các mục đích khác,... theo chủ trương, chính sách của thành phố và quy định pháp luật hiện hành.

+ Đối với đất công trình di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng đã hoặc chưa được xếp hạng, quy mô diện tích và vùng bảo vệ sẽ được xác định chính xác khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư được phê duyệt, biên bản khoanh vùng bảo vệ hoặc ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tuân thủ Luật Di sản văn hóa.

+ Đối với các chức năng đất hiện có không phù hợp với Quy hoạch phân khu này (đất công nghiệp, kho tàng, trường đào tạo, cơ quan đơn vị,...), từng bước di dời đến khu vực tập trung theo quy hoạch và quy định của cấp có thẩm quyền. Quỹ đất sau khi di dời được quản lý, sử dụng theo định hướng quy hoạch phân khu được duyệt.

+ Đối với đất an ninh - quốc phòng: Trừ những khu vực nằm trong phạm vi mở đường theo quy hoạch hoặc không đảm bảo các điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ, còn lại cơ bản được giữ nguyên theo hiện trạng và chủ trương của cấp có thẩm quyền chấp thuận. Việc nghiên cứu đầu tư xây dựng sẽ được thực hiện theo dự án riêng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Hành lang bảo vệ hoặc cách ly các công trình di tích, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, đê điều,... được xác định cụ thể tại quy hoạch ở tỷ lệ lớn hơn, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành.

c) Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và thiết kế đô thị:

*. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và khoảng lùi, mật độ xây dựng, tầng cao công trình (khi lập các đồ án quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, dự án đầu tư xây dựng) cần bố cục công trình đảm bảo không cản trở và phù hợp với hướng thoát lũ và phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn hiện hành. Các công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc theo Điều 17 Luật Kiến trúc.

- Nghiên cứu các thiết chế văn hóa ở các trục không gian văn hóa kết nối giữa các địa phương: Hệ thống trung tâm văn hóa dọc bờ Bắc và bờ Nam Sông Hồng, trục kết nối không gian thành cổ Hà Nội và trục Tây Hồ Tây - Hồ Tây - Cổ Loa: tổ chức các không gian lễ hội văn hóa, các sự kiện văn hóa lớn của Thủ đô; công trình văn hóa cấp thành phố, đào tạo chuyên ngành nghệ thuật, công viên vui chơi giải trí, quảng trường lớn kết hợp tượng đài, công viên chuyên đề, các dịch vụ công cộng, dịch vụ du lịch; không gian sinh hoạt văn hóa được xây dựng mới kết hợp với tổ hợp công trình công cộng đa chức năng và không gian cây xanh công viên,...

- Khuyến khích áp dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn xây dựng theo mô hình sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn tại khu vực theo hướng xanh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo. Phát triển các mô hình công viên, cây xanh chuyên đề - nông nghiệp đô thị có chất lượng và kỹ thuật cao, nông nghiệp du lịch,... thu hút các hoạt động kinh tế xanh, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao (dịch vụ, du lịch, thể thao,...) phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo lập các không gian xanh: các khu công viên đô thị, công

viên chuyên đề, công viên ngập lũ trên cơ sở khai thác cảnh quan hai bên sông Hồng phù hợp điều kiện tự nhiên, theo các theme địa hình và hiện trạng sử dụng đất và khuyến khích tổ chức các cuộc thi ý tưởng để lựa chọn phương án phù hợp.

- Đối với khu vực đất ở hiện có, cải tạo: Nâng cao chất lượng không gian, bổ sung tăng cường hệ thống hạ tầng xã hội (sân chơi, giáo dục, y tế, văn hóa, dành quỹ đất tổ chức không gian vườn hoa, cây xanh) và hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường); không san lấp hồ ao; cấu trúc khu nhà ở làng xóm xanh sạch đẹp: mật độ xây dựng thấp, nhiều sân vườn, nâng cao chất lượng sống.

- Khuyến khích các mô hình quy hoạch, kiến trúc công trình đẹp, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và chống chịu lũ. Khai thác hiệu quả cảnh quan khu vực làng nghề truyền thống phục vụ kinh tế - xã hội và du lịch sinh thái dọc sông Hồng.

- Các công trình tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử như đình, chùa, nhà thờ,... được bảo tồn, tôn tạo và quản lý theo quy định. Hình thức kiến trúc, chiều cao, khoảng cách công trình xung quanh di tích không được làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu di tích.

- Tổ chức các khu nhà ở hiện đại chất lượng cao đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, theo hướng mật độ xây dựng thấp, cao tầng ở các khu vực: phía Bắc sông Hồng đoạn R3-R4, thấp dần về hai bên; phía Nam sông Hồng đoạn R3-R4, hạn chế tối đa bố trí công trình cao tầng, quản lý đặc biệt tại trục không gian Hồ Tây - Cổ Loa. Bổ sung nâng cấp hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội: giáo dục, y tế, văn hóa, dành quỹ đất tổ chức không gian cây xanh, quảng trường, thu hút các hoạt động công cộng ngoài trời.

- Định hướng phát triển không gian xanh và không gian mở: Bao gồm các loại công viên bảo tồn tự nhiên, công viên nông nghiệp, công viên đô thị, không gian mở có chức năng tổng hợp. Các công viên bảo tồn tự nhiên được bố trí tại các khu vực ngập nước thường xuyên phía ngoài đê bồi. Các công viên nông nghiệp đô thị được bố trí tại khu vực sản xuất nông nghiệp phía trong đê bồi, tiếp giáp với các khu làng xóm tồn tại lâu đời và tập trung tại phía Nam và phía Bắc khu vực nghiên cứu. Các công viên đô thị được bố trí tại các khu vực tiếp giáp với các phân khu đô thị. Các không gian có chức năng tổng hợp được bố trí tại khu vực tiếp giáp với khu vực nội đô lịch sử, gắn liền với không gian văn hóa lịch sử như cầu Long Biên, trục Hồ Tây - Cổ Loa. Yêu cầu chung không ảnh hưởng, xâm phạm đến hành lang bảo vệ và an toàn của đê theo quy định của Luật Đê điều.

- Khuyến khích chuyển đổi các cơ sở công nghiệp sang chức năng công cộng, dịch vụ. Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các trường học, công trình công cộng phù hợp định hướng và tiêu chuẩn đô thị. Tổ chức xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ, logistic gắn kết với hệ thống giao thông công cộng, đặc biệt tại khu vực cảng, bến thủy nội địa.

- Khu vực bãi sông và dòng sông hầu hết là khu vực không ổn định, phù hợp cho các không gian sinh thái, phục hồi tự nhiên. Tại một số khu vực tiếp giáp với khu vực nội đô lịch sử được định hướng sẽ kè cứng, tạo điều kiện tổ chức các không gian công cộng văn hóa tiếp giáp với mặt nước.

*. Thiết kế đô thị:

- Xác định các chỉ tiêu khống chế về khoảng lùi:

- + Xác định khoảng lùi trên cơ sở đánh giá hiện trạng cốt nền và kiến trúc cảnh quan, địa hình tự nhiên, tính chất và chức năng các tuyến phố chính.

- + Việc xác định khoảng lùi công trình phải phù hợp với Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Cảnh quan đô thị khu vực trung tâm, dọc các trục đường chính, các khu vực không gian mở, các công trình điểm nhấn:

+ Cảnh quan đô thị khu vực trung tâm: Xác định mật độ xây dựng và chiều cao công trình kiến trúc của từng khu vực. Tỷ lệ (%) cây xanh trong khu vực trung tâm; Nội dung thiết kế cải tạo, chỉnh trang đối với khu vực trung tâm hiện hữu và giải pháp kiến trúc cảnh quan khu vực trung tâm mới để tạo tính đặc thù đô thị.

- Khu vực trung tâm hiện hữu được chia làm 02 loại: Các khu trung tâm của các khu vực dân cư tiếp giáp với khu vực trung tâm đô thị và các khu trung tâm của các khu vực dân cư làng xóm tồn tại lâu đời. Đối với các khu trung tâm tại khu vực trung tâm đô thị được cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kết nối các công trình công cộng hiện hữu và công trình công cộng mới theo hướng về phía bờ sông. Đối với các khu trung tâm tại các làng xóm tồn tại lâu đời được cải tạo lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bố trí các công trình công cộng mới và cải tạo các công trình hiện có tạo thành khu trung tâm của khu dân cư và kết nối khu trung tâm này với các khu trung tâm phía trong đô thị và các công trình giao thông, bến cảng hành khách về phía bờ sông. Khu vực trung tâm mới của các khu chức năng được phép xây dựng: tổ chức các hoạt động công cộng, văn hóa hiện đại kết hợp với các không gian cây xanh mặt nước tạo cảnh quan cho khu vực trung tâm.

+ Cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính: Đề xuất nguyên tắc bố cục và hình khối kiến trúc trên cơ sở phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán văn hóa xã hội và đặc thù khu vực; Cây xanh cho các trục đường chính: cần khai thác tối đa chủng loại cây xanh sẵn có tại địa phương. Dọc tuyến đô thị chính: Các công trình bố trí phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách đối với hệ thống đô thị, các công trình đồng bộ trên tuyến phố về hình thức kiến trúc, tầng cao xây dựng và khoảng lùi công trình. Dọc tuyến hướng ra sông: Tổ chức các công trình, tổ hợp công trình có hình thức kiến trúc đẹp và thuận tiện người đi bộ, đi xe đạp tiếp cận sử dụng.

+ Các tuyến đường sông cần bảo tồn cảnh quan tự nhiên, đề xuất ý tưởng thiết kế cảnh quan kiến trúc, kiến trúc của cầu, kè sông, lan can đảm bảo an toàn sử dụng.

- Các khu vực không gian mở:

+ Đề xuất về chức năng cho các không gian mở trong khu vực nghiên cứu.

+ Xác định không gian kiến trúc cảnh quan mở về: hình khối kiến trúc, khoảng lùi, cây xanh, quảng trường.

+ Phục hồi tự nhiên; phát triển công viên tự nhiên, công viên đô thị và không gian công cộng tổng hợp. Không gian kiến trúc cảnh quan tại các ngã, nút giao thông: Đảm bảo công năng hiện đại, khoảng lùi và tầm nhìn quan sát theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Nghiên cứu không gian kiến trúc cảnh quan tại các ngã, nút giao thông đô thị lớn và trong từng khu vực.

+ Tổ chức hài hòa với không gian cây xanh tự nhiên, các triền cỏ, các khu vực bán ngập, phù hợp với các hoạt động dã ngoại, nghỉ dưỡng cuối tuần;

+ Bố trí các không gian phục vụ công cộng văn hóa đa chức năng, tiếp cận an toàn với mặt nước.

+ Hình thức kiến trúc của cầu, kè sông, lan can có tính đa dạng, phù hợp với không gian hai bên đầu cầu. Đối với các khu vực mang dấu ấn lịch sử như cầu Long Biên được bảo tồn và phục hồi nhằm tạo không gian công cộng văn hóa mang tính chất điểm nhấn đặc biệt trên toàn khu vực nghiên cứu. Các cầu kết nối các khu vực không gian xanh, các khu chức năng đô thị mới như cầu Hồng Hà, Thượng Cát, Ngọc Hồi, Mễ Sở được đề xuất hình thức kiến trúc hiện đại, đơn giản và nhẹ nhàng. Cầu Tứ

Liên gắn trực không gian Hồ Tây – Cổ Loa, cầu Trần Hưng Đạo gắn Nội đô lịch sử cần có hình thức kiến trúc mang ý nghĩa về lịch sử văn hóa của khu vực.

+ Các yếu tố hình khối kiến trúc, khoảng lùi, cây xanh, quảng trường liên quan đến không gian kiến trúc cảnh quan mở: Phát triển các quảng trường hoặc không gian đi bộ phù hợp với chức năng cộng đồng cũng như các hoạt động giao lưu văn hóa ngoài trời, hài hòa với điều kiện tự nhiên của khu vực. Khuyến khích dành cho các hoạt động ngoài trời (đạp xe, đi bộ, thể dục thể thao, triển lãm nghệ thuật...) hướng về phía sông Hồng.

- Các công trình điểm nhấn: Bao gồm các công trình cao tầng ở bờ Bắc sông Hồng, trục không gian công cộng - quảng trường Hồ Tây – Cổ Loa, các cầu qua sông, các công trình công cộng gắn với các bên cảng đường thủy. Tại các khu chức năng mới có vị trí phù hợp (tiếp giáp với khu vực nội đô lịch sử và có khối tích lớn) được đề xuất nghiên cứu kỹ phương án thiết kế đảm bảo chất lượng, tạo thành điểm nhấn khu vực. Công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị phải thi tuyển phương án kiến trúc theo Điều 17 Luật Kiến trúc.

+ Cụ thể hóa thiết kế đô thị theo đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, phát triển ý tưởng kiến trúc công trình điểm nhấn theo tính chất công trình, cảnh quan xung quanh.

+ Điểm nhấn ở các vị trí điểm cao cần khai thác địa thế và cảnh quan tự nhiên, hoặc đã có công trình kiến trúc, hoặc đề xuất xây dựng công trình mới, giải pháp giảm thiểu sự lấn át của các kiến trúc xung quanh.

+ Điểm nhấn ở các vị trí khác được cụ thể bằng việc đề xuất xây dựng công trình hoặc cụm công trình kiến trúc, hoặc không gian kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực các ô phố:

+ Xác định về mật độ, tầng cao xây dựng, ngôn ngữ và hình thức kiến trúc, thể loại công trình đối với khu vực đô thị mới; giải pháp bảo tồn tôn tạo đối với khu phố cổ, khu phố cũ: Khu vực các ô phố tiếp giáp với khu vực nội đô lịch sử đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại với khu vực nội đô; Khu vực các ô phố thuộc khu chức năng mới (được phép xây dựng) với mật độ xây dựng thấp và tầng cao thấp tầng, hướng về phía sông Hồng. Hình thức công trình hiện đại, đồng nhất trong phạm vi khu vực. Các không gian cây xanh, mặt nước tổ chức dựa trên địa hình tự nhiên và kết nối thành hệ thống.

+ Giải pháp tổ chức cảnh quan cây xanh, mặt nước, tiện ích đô thị: Trên nguyên tắc phục hồi tự nhiên, công viên tự nhiên, công viên đô thị, không gian công cộng tổng hợp. Một phần không gian nông nghiệp được tổ chức thành công viên nông nghiệp, nông nghiệp đô thị kết hợp với các hoạt động du lịch, ngoài trời,... nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch thể hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng. Quá trình triển khai giai đoạn tiếp theo, khuyến khích tổ chức các cuộc thi để cụ thể hóa và lựa chọn các ý tưởng, phương án thiết kế đô thị phù hợp dọc hai bên sông.

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Mạng lưới giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng chỉ xác định hướng tuyến từ cấp đường khu vực trở lên, trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 sẽ được cụ thể hóa, vi chỉnh cho phù hợp với các yếu tố hiện trạng, kỹ thuật... đảm bảo tính khả thi trong đầu tư xây dựng.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật: trạm bơm, trạm xử lý nước thải, trạm

biển áp, tủ cáp thông tin liên lạc, bãi đỗ xe ... chỉ là xác định sơ bộ về vị trí, quy mô công suất. Trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 sẽ được xác định chính xác và cho phép cụ thể hóa, vì chính quy mô, công suất phù hợp với nhu cầu sử dụng của khu vực.

d.1) Quy hoạch giao thông:

* Nguyên tắc chung:

- Mạng lưới giao thông trong Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng được xác định phù hợp với các Quy hoạch quốc gia về mạng lưới đường bộ, đường sắt, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khớp nối thống nhất với các quy hoạch phân khu đô thị có liên quan ở xung quanh.

- Đối với các công trình đầu mối giao thông (cảng đường thủy nội địa, depot đường sắt đô thị, cầu/hầm qua sông, bãi đỗ xe công cộng ...), vị trí, ranh giới, quy mô diện tích, công suất sẽ được xác định chính xác ở giai đoạn lập quy hoạch chi tiết hoặc được cụ thể hóa trong quá trình lập dự án đầu tư trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các khu vực đã có Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt, hệ thống giao thông được xác định theo các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã được phê duyệt.

- Đối với các khu vực chưa có Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt, vị trí, quy mô, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường sẽ được xác định chính thức ở giai đoạn lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Việc xây dựng các công trình giao thông ngoài bãi sông phải đảm bảo không ảnh hưởng không gian thoát lũ tuân thủ theo các yêu cầu quản lý được cơ quan chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông vận tải thỏa thuận theo quy định.

* Đường sắt:

- Đường sắt quốc gia:

Các tuyến đường sắt quốc gia hiện có (gồm tuyến xuyên tâm Yên Viên – Ngọc Hồi và tuyến vành đai Hà Đông – Bắc Hồng) sẽ dỡ bỏ, thay thế bằng các tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 6. Xây dựng mới tuyến đường sắt vành đai đi dọc theo đường vành đai 4, cắt qua sông Hồng tại cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc bố trí đường sắt đi chung hoặc đi riêng với các cầu đường bộ sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đường sắt đô thị:

+ Về tuyến: qua phạm vi lập quy hoạch có 06 cầu đường sắt đô thị kết nối các khu vực Bắc với Nam sông Hồng, cụ thể: tuyến số 1 đi qua sông Hồng tại vị trí cầu Long Biên mới cách cầu hiện có 75m về phía thượng lưu; tuyến số 2 đi qua sông Hồng tại vị trí cách cầu Nhật Tân khoảng 1,3km về phía thượng lưu, tuyến số 4 qua sông Hồng tại vị trí các cầu Vĩnh Tuy khoảng 1,2km về phía hạ lưu; tuyến số 6 qua sông Hồng tại cầu Thăng Long; tuyến số 7 qua sông Hồng tại cầu Thượng Cát và tuyến số 8 qua sông Hồng tại vị trí cách cầu Thanh Trì khoảng 1,4km về phía hạ lưu (đối với các tuyến số 4, số 8 việc bố trí đường sắt đô thị đi chung hoặc đi riêng với các cầu đường bộ sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt).

+ Depot: Trong phạm vi quy hoạch xây dựng Depot tuyến đường sắt đô thị số 4 tại vị trí phía Đông cầu Thượng Cát.

Vị trí, quy mô, hình thức xây dựng cầu (hoặc hầm) của các tuyến đường sắt đô thị qua sông Hồng, các công trình Depot, nhà ga trên tuyến sẽ được xác định cụ thể theo dự án đầu tư xây dựng riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

*** Đường thủy:**

Sông Hồng là tuyến vận tải thủy cấp I, II, đoạn qua khu quy hoạch bố trí 06 cảng đường thủy nội địa gồm: 02 cảng chính Hà Nội và Khuyến Lương; 04 cảng địa phương Chèm – Thượng Cát, Bắc Hà Nội, Thanh Trì và cảng Bát Tràng. Chức năng, quy mô diện tích, công suất cảng được xác định cụ thể theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

*** Đường bộ:**

- Đường cấp đô thị:

+ Hai tuyến trục chính đô thị dọc sông Hồng xây dựng mới như sau: Trục bờ hữu Hồng từ cầu Hồng Hà tới cầu Thanh Trì quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang với tối thiểu 4 làn cơ giới và 2- 4 làn hỗn hợp. Trục bờ tả Hồng từ Cầu Thượng Cát - đê Tả Hồng – Cầu Vĩnh Tuy – Cầu Thanh Trì quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang $B = 40 - 60m$ (6-10 làn xe). Phương án trắc dọc cụ thể của hai tuyến trục chính đô thị dọc sông sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng chống lũ, không thu hẹp không gian thoát lũ và được cơ quan quản lý chuyên ngành thỏa thuận theo quy định.

+ Các tuyến đường cấp đô thị khác gồm: Các tuyến đê đoạn qua khu vực nội đô (đường Âu Cơ, Nghi Tàm, Yên Phụ, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Nguyễn Khoái) cấp hạng là đường liên khu vực quy mô 4-10 làn xe. Các tuyến đường chính đô thị, liên khu vực khác có bề rộng quy mô $B = 40 - 50m$ (6-8 làn xe).

- Đường cấp khu vực :

+ Các tuyến đường chính khu vực xây dựng trên cơ sở nâng cấp các đoạn tuyến đê hiện có như đê tả Hồng, đê hữu Hồng đoạn Liên Mạc - Thượng Cát, đoạn phía nam cầu Thanh Trì được xác định có quy mô 4-6 làn xe (bao gồm cả đường gom chân đê).

+ Các tuyến đường chính khu vực, đường khu vực xây dựng mới có quy mô bề rộng mặt cắt ngang điển hình $B = 17-30m$, 2-4 làn xe. Một số đoạn tuyến đi qua khu vực dân cư hiện có và đoạn đi giáp mép sông có thể nghiên cứu thu hẹp cục bộ hè (nhưng vẫn đảm bảo đủ số làn xe trên tuyến) để hạn chế giải phóng mặt bằng.

- Đường cấp nội bộ:

+ Tại các khu vực xây dựng mới, các tuyến đường phân khu vực có mặt cắt ngang quy mô 2 làn xe. Một số đoạn tuyến qua khu vực dân cư làng xóm hiện có, có thể nghiên cứu giảm cục bộ vỉa hè để giảm bớt khối lượng giải phóng mặt bằng.

+ Các tuyến phố, ngõ xóm đi qua khu vực dân cư hiện có, khi xây dựng cải tạo mở rộng cần tuân thủ nguyên tắc: tận dụng tối đa đường hiện có, xem xét quy mô hè tối thiểu nhưng vẫn đảm bảo mật độ mạng lưới đường chung, đảm bảo phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

Các tuyến đường cấp nội bộ tại đồ án quy hoạch được nghiên cứu sơ bộ để đảm bảo cơ cấu mật độ mạng lưới đường, đáp ứng các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật và còn tiếp tục được nghiên cứu bổ sung ở các giai đoạn lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư tiếp sau. Đối với các khu vực đã có Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt, các tuyến đường nội bộ được xác định theo các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư được duyệt. Đối với các khu vực chưa có Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp

thẩm quyền phê duyệt, vị trí, quy mô, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường sẽ được xác định chính thức ở giai đoạn lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

* Hệ thống cầu đường bộ qua sông:

Xây dựng mới 06 cầu đường bộ qua sông Hồng gồm: cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở trên đường vành đai 4 (quy mô 6 làn xe cao tốc, 2 làn hỗn hợp); Cầu Thượng Cát và cầu Ngọc Hồi trên đường vành đai 3,5 (quy mô 6 làn cơ giới 2 làn hỗn hợp); Cầu Tứ Liên kết nối các tuyến đường trục chính đô thị dọc hành lang 2 bên sông Hồng (quy mô 6 làn cơ giới 2 làn hỗn hợp); Cầu Trần Hưng Đạo kết nối đường Trần Hưng Đạo sang khu vực quận Long Biên (quy mô 6 làn cơ giới 2 làn hỗn hợp). Ngoài ra xây dựng bổ sung giai đoạn 2 của cầu Vĩnh Tuy và nghiên cứu bổ sung, mở rộng cầu Thăng Long và cầu Bắc Cầu qua sông Đuống trên tuyến đường trục chính đô thị dọc sông Hồng. Tại các cầu cho phép bố trí kết hợp hệ thống hạ tầng đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật qua sông theo quy hoạch.

Vị trí, quy mô, hình thức kiến trúc, tên các cầu xây dựng mới qua sông tại đồ án quy hoạch chỉ mang tính định hướng. Cụ thể sẽ được xác định chính xác theo dự án đầu tư riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

* Các cửa khẩu:

Các cửa khẩu qua đê sẽ được cải tạo, mở rộng hoặc dịch chuyển vị trí cho phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông xác định tại đồ án Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng được duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu về giao thông. Việc triển khai xây dựng, cải tạo thực hiện theo dự án riêng đảm bảo yêu cầu quản lý và có thỏa thuận với các ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông vận tải theo quy định.

* Bãi đỗ xe:

- Các công trình xây dựng mới tự đảm bảo nhu cầu đỗ xe bản thân theo quy định hiện hành.

- Bãi đỗ xe công cộng: Bố trí đảm bảo bán kính phục vụ trong phạm vi từ 400-500m, tiếp giáp với khu vực làng xóm hiện có, khu vực đông dân cư. Trong phạm vi quy hoạch bố trí khoảng 72ha đất bãi đỗ xe công cộng, quá trình triển khai tiếp theo cho phép nghiên cứu bổ sung bố trí bãi đỗ xe cao tầng (hoặc ngầm trong điều kiện cho phép), bố trí kết hợp trong các khu đất cây xanh, công cộng đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu diện tích đỗ xe theo quy định. Tại các bãi đỗ xe công cộng cho phép bố trí kết hợp các tiện ích đô thị (trạm nạp điện, nhà vệ sinh công cộng, điểm tập kết rác thải sinh hoạt, trạm xăng,...). Vị trí, hình thức, quy mô, các tiện ích đô thị kết hợp của các bãi đỗ xe tập trung sẽ được xác định chính xác trong các đồ án quy hoạch ở các giai đoạn tiếp sau hoặc theo dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

* Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ giới đường đỏ trên bản vẽ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang điển hình và chỉ được xác định sơ bộ hướng tuyến mạng lưới đường quy hoạch trên bản đồ tỷ lệ 1/5000. Đối với các tuyến đường đã có hồ sơ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư hoặc nằm trong khu vực đã có Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt, chỉ giới đường đỏ xác định theo các hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đối với các tuyến đường còn lại sẽ được xác định chính xác theo hồ sơ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường hoặc theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ giới xây dựng được xác định để đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông,

phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan; chỉ giới xây dựng cụ thể của từng công trình được xác định theo cấp đường quy hoạch theo quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: tuân thủ theo đúng Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

* Các chỉ tiêu giao thông đạt được: Tổng diện tích đất giao thông (tính đến đường cấp khu vực) khoảng 532ha đạt tỷ trọng 19,12%, mật độ khoảng 7km/km².

d.2) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

* Hệ thống đê điều, thủy văn sông Hồng:

- Cải tạo, nâng cấp đê hiện có đáp ứng yêu cầu về phòng chống lũ kết hợp đáp ứng yêu cầu về giao thông.

- Đê tả Hồng và hữu Hồng: Cấp đê và cao trình đê tuân thủ quy định hiện hành về mực nước, lưu lượng thiết kế các tuyến sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống kè: tại các khu vực dân cư hiện hữu giáp sông nghiên cứu xây dựng kè nhằm ổn định nền đất, tránh sạt lở và ngăn chặn lấn chiếm bãi cũng như lòng sông. Các khu vực xung yếu nằm sát lòng sông được xây dựng hệ thống kè bảo vệ.

* Các công trình đầu mối:

- Trạm bơm tưới Ấp Bắc, Hồng Vân, Đan Hoài: vị trí, quy mô chiếm đất, công suất sẽ được thực hiện theo dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

* Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước: khu quy hoạch được thoát nước ra sông Hồng.

- Giữ lại tối đa diện tích mặt nước ao, hồ hiện có để tham gia vào điều tiết mạng lưới thoát nước và kiến tạo kiến trúc cảnh quan khu vực.

- Đối với các tuyến kênh, cống xả chính: kênh tưới Ấp Bắc, kênh tiêu Vân Trì, kênh tiêu Phương Trạch 1, kênh tiêu Phương Trạch 2, kênh tiêu Vĩnh Thanh, kênh Bắc Hưng Hải, kênh tiêu trạm bơm Liên Mạc, kênh tiêu trạm bơm Liên Trung, kênh tiêu trạm bơm Văn Khê, kênh tiêu trạm bơm Vạn Phúc, kênh tiêu trạm bơm Đông Dư, kênh dẫn nước trạm bơm Hồng Vân, kênh tiêu trạm bơm Đông Mỹ, cống xả trạm bơm Nam Thăng Long, kênh tiêu Yên Sở, kênh tiêu Trần Phú và một số tuyến kênh tiêu nước khác: quy mô cụ thể của kênh sẽ được xác định trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết hoặc dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo yêu cầu thoát nước và được cơ quan quản lý chuyên ngành thống nhất.

- Mạng lưới cống thoát nước: xây dựng các tuyến cống thoát nước mưa (B0,6m; H0,8m) - (B2,5m; H2,5m) dọc theo các tuyến đường quy hoạch thu gom nước mưa rồi thoát ra sông Hồng.

- Các tuyến thoát nước dọc theo các tuyến đường nội bộ sẽ được thiết kế bổ sung trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng công trình...

* Quy hoạch cao độ nền:

- Đối với các khu vực dân cư làng xóm hiện có, cơ bản giữ nguyên cao độ hiện trạng, chỉ san gạt cục bộ, không tôn cao nền.

- Đối với đường dọc sông, các khu vực dự kiến xây dựng mới cao độ nền cần bám sát cao độ nền hiện có và có sự thỏa thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành để điều đảm bảo yêu cầu, phòng chống lũ và các quy định khác có liên quan (Cao độ nền các khu vực xây dựng mới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư xây dựng công trình... phù hợp với tỷ lệ bản đồ thể hiện, đảm bảo yêu cầu thoát nước).

d.3) Quy hoạch cấp nước:

* Nguồn nước: Tuân thủ theo Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cụ thể nguồn nước cấp cho khu vực được lấy từ các nhà máy nước gồm: Nhà máy nước mặt Sông Đuống, Nhà máy nước mặt Sông Hồng, Nhà máy nước Bắc Thăng Long, Cáo Đình, Yên Phụ, Lương Yên, Nam Dư, Gia Lâm, Tiến Thịnh.

- Đối với các trạm cấp nước hiện có, trước mắt tiếp tục được sử dụng để cấp nước cho khu vực. Về lâu dài, khi mạng lưới cấp nước của Thành phố được xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch các trạm cấp nước này sẽ được chuyển đổi thành chức năng khác như: trạm bơm tăng áp, đất cây xanh...theo nhu cầu sử dụng đất của khu vực.

- Duy trì hoạt động giếng nước thô hiện có, việc xác định hành lang bảo vệ các giếng nước thô sẽ được xem xét trong quá trình triển khai các dự án đầu tư có liên quan đảm bảo phù hợp với QCVN 01:2021/BXD.

* Mạng lưới đường ống:

- Mạng lưới cấp nước truyền dẫn:

+ Các tuyến ống truyền dẫn hiện có trong khu vực nghiên cứu tiếp tục sử dụng các tuyến ống này.

+ Xây dựng, bổ sung một số tuyến ống truyền dẫn Ø400mm - Ø1000mm dọc theo các tuyến đường cấp đô thị đảm bảo phù hợp theo Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

+ Đối với các đoạn tuyến qua sông như cầu Hồng Hà, Nhật Tân, Từ Liêm, Vĩnh Tuy.... bố trí hai tuyến ống truyền dẫn song song để đảm bảo cấp nước an toàn.

- Mạng lưới cấp nước phân phối:

+ Các tuyến ống phân phối hiện có trong khu vực nghiên cứu phù hợp với quy hoạch tiếp tục được sử dụng để cấp nước cho khu vực.

+ Xây dựng, bổ sung một số tuyến ống phân phối có tiết diện Ø100mm – Ø250mm để đầu nối với các tuyến ống cấp nước hiện có hoặc xây dựng mới để đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn, thuận tiện cho công tác quản lý.

- Hệ thống mạng ống cấp nước phân phối thiết kế mới là mạng vòng có đường kính từ Ø150mm đến Ø250mm được bố trí trên các trục đường xung quanh khu ở, đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn.

* Cấp nước chữa cháy:

- Dọc theo các tuyến ống cấp nước đường kính từ Ø100 trở lên sẽ đặt một số họng cứu hỏa, khoảng cách giữa các họng cứu hỏa theo quy định, quy phạm hiện hành. Các họng cứu hỏa này sẽ có thiết kế riêng và phải có sự phối hợp thống nhất với cơ quan phòng cháy chữa cháy của khu vực. Đối với các công trình cao tầng, cần có hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình.

- Tại các hồ chứa nước trong khu vực, nghiên cứu bố trí các hồ thu nước chữa cháy để hỗ trợ phục vụ cho hệ thống chữa cháy của đô thị.

d.4) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

* Quy hoạch thoát nước thải:

- Đối với khu vực xây dựng mới tại bãi Tầm Xá – Xuân Canh: thiết kế mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải. Nước thải sinh hoạt từ các công trình được thu gom vào các tuyến cống thoát nước thải có tiết diện D=300-500mm bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông, tập trung về trạm xử lý nước thải Cổ Loa.

- Đối với khu vực làng xóm dân cư hiện có: sử dụng mạng lưới thoát nước mưa riêng. Nước thải từ các công trình được thoát chung vào các rãnh và cống thoát nước

chung trong khu vực làng xóm, sau đó thông qua hệ thống giếng tách nước thải sẽ được tách về các cống bao và được vận chuyển về các trạm xử lý nước thải. Các trạm xử lý nước thải được bố trí trong phạm vi ô quy hoạch và được tính vào chỉ tiêu sử dụng đất của ô quy hoạch phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch điều chỉnh hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016. Chi tiết hệ thống giếng tách nước thải, vị trí, quy mô, công suất cụ thể các trạm xử lý nước thải sẽ được xem xét trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết hoặc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thoát nước thải tại các khu vực.

- Đối với các khu đất xây dựng mới: áp dụng hình thức xử lý nước thải phân tán bố trí trong phạm vi khu đất. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường được thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

* Quy hoạch chất thải rắn:

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn và thu gom tập trung.

- Chất thải rắn trong khu vực được vận chuyển đến các trạm trung chuyển sau đó được đưa đi xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn tập trung bao gồm: khu xử lý CTR Sóc Sơn, khu xử lý CTR Việt Hùng, khu xử lý CTR Phù Đổng, khu xử lý CTR Kiều Ky.

- Mỗi khu vực dân cư nghiên cứu bố trí các điểm tập kết, trung chuyển rác quy mô vừa và nhỏ đảm bảo cự ly phục vụ. Vị trí, quy mô các điểm tập kết và trung chuyển rác sẽ được nghiên cứu trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết của khu vực.

- Bố trí bãi đổ chất thải rắn xây dựng tại xã Duyên Hà - huyện Thanh Trì với diện tích khoảng 2,8-7ha.

- Chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý riêng theo quy định hiện hành.

* Nghĩa trang:

- Nhu cầu an táng mới của nhân dân tại khu vực được giải quyết tại các nghĩa trang của Thành phố.

- Đối với các nghĩa trang hiện có trước mắt ngừng hưng táng, từng bước đóng cửa cải tạo theo hướng công viên nghĩa trang hoặc di chuyển về nghĩa trang tập trung để phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị cũng như Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trong giai đoạn trước mắt, nghĩa trang hiện có trong các khu vực đất cây xanh theo quy hoạch cần được cải tạo nâng cấp đảm bảo vệ sinh môi trường tuyệt đối không cho phép hưng táng mới. Có thể cho phép quy tập nếu phải di chuyển để phục vụ các dự án đầu tư xây dựng.

d.5) Quy hoạch cấp điện:

* Nguồn cấp: Từ các trạm biến áp 110/22KV hiện có gồm: Trạm Đông Anh 2; Hải Bối; Sài Đồng B; Trâu Quỳ; Chèm; Nhật Tân; Yên Phụ; Bờ Hồ; Trần Hưng Đạo; Thanh Nhàn,...) và được bổ sung cấp nguồn từ các Trạm biến áp 110/22KV dự kiến xây dựng mới gồm: Trạm Mê Linh 2: 110/22KV – 2x63MVA; Đan Phượng: 110/22KV – 2 x 40MVA; Đông Hội: 110/22KV – 2 x 63MVA; Ngọc Thụy: 110/22KV – 2 x 63MVA; Đông Dư: 110/22KV – 2 x 63MVA; Lĩnh Nam: 110/22KV – 2 x 63MVA; Ngọc Hồi: 110/22KV – 3 x 63MVA.

* Lưới điện cao thế:

- Tuyến điện 500kV: Thường Tín – Quảng Ninh hiện có tiếp tục được giữ nguyên.

- Tuyến điện 220kV: Đường dây nối 500kV Thường Tín –Phổ Nối hiện có tiếp tục được giữ nguyên; Tuyến cáp ngầm 220kV Mai Động – Tây Hồ - Đông Anh dự

kiến xây dựng; Tuyến cáp ngầm 220kV Mai Động – Long Biên dự kiến xây dựng.

- Đối với các tuyến điện cao thế 110kV hiện có đi ngoài bãi sông sẽ được hạ ngầm di dọc đường đê sông Hồng như: tuyến đường dây nổi 110kV Mai Động - Nhật Tân; tuyến đường dây nổi 110kV Mai Động - Yên Phụ và tuyến dây nổi 110kV Yên Phụ - Nhật Tân (Vị trí cụ thể sẽ được xác định trong quá triển khai lập dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt).

* Mạng trung thế:

- Đối các khu vực dân cư hiện có: tiếp tục sử dụng hệ thống cấp điện hiện có đang cấp cho khu vực. Việc xây dựng cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dây trung thế hiện có này sẽ được xem xét trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt đảm phù hợp với hiện trạng, quy hoạch và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Đối với các khu vực xây dựng mới: xây dựng các tuyến cáp trục 22kV xuất tuyến từ các trạm biến áp 110/22kV bố trí đi ngầm dọc theo các tuyến đường quy hoạch đến các trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

* Mạng lưới chiếu sáng:

- Đối các khu vực dân cư hiện có: tiếp tục sử dụng hệ thống cấp điện chiếu sáng hiện có đang cấp cho khu vực.

- Đối với các khu vực xây dựng mới: Cấp hạ thế 0,4kV chiếu sáng đường phố được bố trí ngầm trên hè hoặc bố trí ngầm tại dải phân cách giữa, dải phân cách đường xe cơ giới và xe thô sơ. Nguồn điện chiếu sáng lấy từ các trạm biến áp công cộng của khu vực.

* Trạm biến áp: các trạm biến áp hạ thế hiện có cấp điện cho khu vực làng xóm tiếp tục được sử dụng và cải tạo, nâng công suất trạm (nếu cần) và chuẩn hóa cấp điện áp 22/0,4kV. Xây dựng mới các trạm biến áp đảm bảo công suất cấp điện cho khu vực.

Số lượng, vị trí, công suất các trạm biến áp, mạng lưới cáp ngầm có thể được điều chỉnh, bổ sung theo các yêu cầu của chuyên ngành cấp điện và được thực hiện theo quy hoạch chuyên ngành điện được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d.6) Quy hoạch thông tin liên lạc:

* Nguồn cấp: Khu vực nghiên cứu được cấp tín hiệu từ các Tổng đài vệ tinh: khu công nghiệp Bắc Thăng Long; Tân Dương; Ngọc Thụy; Bát Tràng; Tây Tựu; Yên Phụ; Quán Thánh; Mai Động; Yên Sở.

- Mạng lưới cáp quang và tủ cáp thuê bao:

+ Các tổng đài vệ tinh kết nối với tổng đài điều khiển (tổng đài Host) qua các tuyến cáp quang trục xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch.

+ Từ các tổng đài vệ tinh xây dựng các tuyến cáp trung kế (cáp gốc, cáp nhánh) đi song song, cùng hành lang (hoặc hào kỹ thuật) với các tuyến điện 22kV đến các tủ cáp thuê bao.

+ Vị trí các tủ cáp và mạng cáp quang từ tủ cáp đến các thuê bao sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn quy hoạch sau.

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

Các giải pháp đề xuất phòng ngừa, giảm thiểu khắc phục môi trường đã được nghiên cứu đề xuất làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng. Các dự án đầu tư xây dựng khi triển khai xây dựng sẽ thực hiện đánh giá môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

f) Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị:

Hệ thống công trình ngầm trong khu vực chủ yếu là hệ thống hạ tầng kỹ thuật bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông, cụ thể như sau:

- Hệ thống hào kỹ thuật xây dựng dọc theo các tuyến đường giao thông mở mới (hào, tuynen...), phục vụ bố trí hệ thống đường dây đường ống kỹ thuật. Trong đó, hệ thống tuynen kỹ thuật được bố trí dọc theo các tuyến đường cấp chính khu vực trở lên (vía hè >6m). Hào kỹ thuật được bố trí dọc các tuyến đường phân khu vực đến cấp đường chính khu vực, có các điểm đầu nối với hệ thống tuynen.

- Hệ thống giao thông ngầm là các công trình hầm chui qua đê.

Nhu cầu sử dụng không gian ngầm của các loại công trình khác trong khu vực sẽ được nghiên cứu cụ thể trong giai đoạn nghiên cứu quy hoạch chi tiết và thực hiện theo dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt trên nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến không gian thoát lũ, đảm bảo an toàn trong khai thác sử dụng.

g) Phân kỳ, xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Phát triển hệ thống hạ tầng khung, trong đó ưu tiên xây dựng tuyến đường ven sông làm cơ sở để cải tạo chỉnh trang khu vực hai bên bờ sông, di dời các khu vực lấn chiếm lòng sông, khai thác cảnh quan ven sông Hồng vào mục đích không gian công cộng cho Thành phố. Từng bước xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ hai bên đê chính đến tuyến đường ven sông.

- Cải tạo chỉnh trang khu vực đất ở hiện có, phát triển các khu nhà ở phục vụ di dân, tái định cư để đáp ứng nhu cầu nhà ở của nhân dân và tạo bộ mặt đô thị, trong đó ưu tiên cho các nhu cầu di dân và giãn dân tại chỗ.

- Xây dựng các công trình hạ tầng xã hội (công cộng, trường học,...) phục vụ khu vực dân cư hiện có và xây dựng mới.

- Xây dựng khu chức năng đô thị mới gồm các khu nhà ở mới, các công trình công cộng hành chính, thương mại dịch vụ,... để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

- Các nội dung quy hoạch đợt đầu sẽ được bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Thủ đô Hà Nội, đặc biệt trong giai đoạn phát triển kết nối hệ thống hạ tầng khung, yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ dân cư khu vực.

h) Quy định quản lý:

- Việc quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng đô thị cần tuân thủ quy hoạch và "Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở)" được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này và tuân thủ quy định tại các Luật và quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, Quy chế quản lý quy hoạch chung toàn thành phố.

- Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng có thể áp dụng các tiêu chuẩn, quy phạm nước ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội: Chịu trách nhiệm về chất lượng đồ án quy hoạch và tính chính xác về số liệu trong hồ sơ, đồ án (bao gồm đánh giá hiện trạng và phương án quy hoạch); Hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở Quy hoạch – Kiến trúc kiểm tra, xác nhận.

2. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội chịu trách nhiệm:

- Kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở) và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phù hợp với nội dung Quyết định này; chuyển lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với UBND các quận, huyện: Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện.

3. Giao chính quyền địa phương các quận, huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

- UBND các quận, huyện: Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm có trách nhiệm:

+ Lập bản vẽ ranh giới tỷ lệ 1/500 các khu dân cư hiện có được tồn tại, bảo vệ,...chuyển Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận phù hợp với Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản số 4409/BNV-PCTT ngày 14/7/2021), làm cơ sở để quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng trong giai đoạn tiếp theo quy định pháp luật.

+ Tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với các khu dân cư hiện có được tồn tại, bảo vệ; xác định cụ thể pháp lý về sử dụng đất đối với từng lô đất trong khu dân cư hiện có, làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy phép xây dựng theo quy định. Kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo Quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai Quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật. Rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, dự án đầu tư có liên quan trên địa bàn phù hợp với Quy hoạch phân khu được duyệt.

+ Quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ đề điều, đất bãi sông, bãi nổi theo đúng quy định của pháp luật về đề điều, chống lấn chiếm vi phạm, nhất là sau khi hình thành các tuyến đường ở bãi sông theo quy hoạch. Có giải pháp quản lý khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ theo quy định; không để phát sinh thêm về số khu, diện tích, số hộ dân ngoài bãi sông. Đồng thời rà soát, xây dựng phương án, lộ trình di dời các khu vực dân cư ở khu vực lòng sông co hẹp, nguy cơ mất an toàn khi có lũ lớn (theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều) và các hộ dân cư vi phạm pháp luật về đề điều, nằm trong phạm vi bảo vệ đề điều, khu vực đang bị sạt lở nguy hiểm theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

+ Tiếp nhận hồ sơ, bản vẽ các khu dân cư do UBND các quận, huyện lập, xác nhận theo quy định tại Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 và thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4409/BNV-PCTT ngày 14/7/2021 và quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng,...theo các quy định pháp luật hiện hành.

+ Ban hành hướng dẫn UBND các quận huyện việc tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định chuyên ngành.

+ Tổng hợp nội dung quy hoạch; phối hợp với chính quyền địa phương các quận, huyện để rà soát, xác định cụ thể danh mục các khu dân cư tập trung hiện có (phạm vi ranh giới đất và số hộ được tồn tại, bảo vệ,...) tại Phương án phòng chống lũ và đề điều liên quan sông Hồng để tích hợp, cập nhật vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội, Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND các quận, huyện Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm; Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội; Thủ trưởng các Sở, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 0

- Như Điều 3;
 - TTTU, TT HĐND TP;
 - Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND TP;
 - Các Bộ: XD, NN&PTNT, GTVT, KH&ĐT, TN&MT, Công An, Quốc Phòng, GD&ĐT, Y tế, Công thương;
 - Sở QH-KT; NN&PTNT; TN&MT;
 - Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội;
 - VPUBTP: CVP/PVP; các phòng TH, TKBT, KT, ĐT
- (t, n);
- Lưu VT (.....bản), QHTrà (02).

18046 - 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN²



Chu Ngọc Anh

PHÒNG QUẢN LÝ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2022/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình,
dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc
hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc
hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với
thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản
hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám
sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 55/TTr-KH&ĐT ngày 02 tháng 12 năm 2021; Tờ trình bổ sung số 08/TTr-KH&ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2022; văn bản số 1056/KH&ĐT-ĐTTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội”.

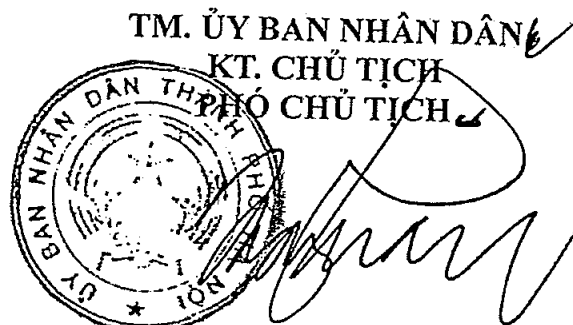
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- TT Thành ủy Hà Nội;
- TT HĐND Thành phố Hà Nội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ KH&ĐT, XD, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Tòa án, Viện Kiểm sát, MTTQ TP;
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;
- Các đ/c PCT UBND thành phố Hà Nội;
- Đài PT&THHN, Báo KTĐT (để đưa tin);
- Trung tâm công báo;
- VP UBTP: CVP, PCVP, các Phòng CV;
- Lưu VT.

(để b/c)



Dương Đức Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình,
dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15./2022/QĐ-UBND ngày 30./3/2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sử dụng vốn góp của Nhà nước; dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; dự án có tính chuyên ngành sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội; Dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội để đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công, pháp luật chuyên ngành, quy định tại Quy định này và các quy định có liên quan của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý đầu tư xây dựng đối với các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý các chương trình, dự án đầu tư công

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và pháp luật liên quan, quy định cụ thể tại Quy định này và các quy định liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Nhà nước và thành phố Hà Nội.

4. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

5. Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định đối với từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư công.

Điều 3. Đầu mối cung cấp thông tin và giải quyết thủ tục hành chính

1. Thông tin về các quy định liên quan đến đầu tư và xây dựng, các cơ chế, chính sách về đầu tư của thành phố Hà Nội được cập nhật đăng tải trên Cổng giao tiếp điện tử thành phố Hà Nội, trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn về xây dựng của thành phố Hà Nội có trách nhiệm công khai thủ tục hành chính, niêm yết tại trụ sở làm việc; là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

a) Sở Quy hoạch Kiến trúc là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin quy hoạch, giới thiệu địa điểm quy hoạch; giải quyết thủ tục thẩm định, trình duyệt nhiệm vụ, khái toán, đề cương, dự toán lập quy hoạch; chấp thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin, hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về lập, trình duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; các thủ tục về chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư bao gồm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; thẩm định dự án, điều chỉnh dự án, thẩm định thiết kế chi tiết, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công.

c) Sở Xây dựng là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin quy hoạch chuyên ngành, đấu nối hạ tầng kỹ thuật đô thị; hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về thẩm định dự án, điều chỉnh dự án; thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị và dự án do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư); hướng dẫn, cung cấp thông tin về chế độ, chính sách quản lý kinh tế - kỹ thuật ngành xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Chủ trì, phối hợp cùng các sở xây dựng chuyên ngành, Sở Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng công trình; tham mưu trình UBND Thành

phổ công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ và Bộ Xây dựng.

d) Sở Giao thông Vận tải là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch chuyên ngành, quản lý công trình giao thông; hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về thẩm định dự án, điều chỉnh dự án; thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án, công trình thuộc lĩnh vực giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng là đầu mối thẩm định tại Điểm c Khoản 2 Điều này).

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch chuyên ngành, quản lý dự án, công trình đê điều, thủy lợi, nông nghiệp; hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về thẩm định dự án, điều chỉnh dự án; thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án, công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

e) Sở Công thương là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch chuyên ngành, quản lý dự án, công trình và giải quyết các thủ tục về thẩm định dự án, điều chỉnh dự án; thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án, công trình luyện kim, cơ khí chế tạo, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình dầu khí, công trình năng lượng, công trình hóa chất, các công trình khác phục vụ mục đích sản xuất công nghiệp.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính sách quản lý đất đai; hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về đất đai, báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; hướng dẫn, cung cấp thông tin về công tác đo đạc và bản đồ; giải quyết các thủ tục về thẩm định thiết kế - dự toán các dự án, công trình, gói thầu đo đạc và bản đồ của các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, thiết kế - dự toán dự án, chương trình quan trắc môi trường; thẩm định nhiệm vụ, dự toán chi phí các công việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, công tác đo vẽ, xác định ranh giới giải phóng mặt bằng, chêm dầy ngoài thực địa, chỉ đo địa chính lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất phục vụ lập phương án giải phóng mặt bằng.

h) Sở Văn hoá và Thể thao là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch, hướng dẫn và giải quyết các thủ tục về thẩm định dự án, thiết kế bản vẽ thi công các công trình bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về Di sản Văn hóa.

i) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục về thẩm định thiết kế cơ sở, dự toán, thiết kế chi tiết dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

k) Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục về thẩm định công nghệ của dự án đầu tư; Chủ trì thẩm định về công nghệ theo quy định của Chính phủ đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác

động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

l) Công an thành phố Hà Nội là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin, góp ý, giải quyết các thủ tục về thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy chữa cháy của dự án; nghiệm thu công trình đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

m) Sở Tài chính là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin và giải quyết các thủ tục liên quan về quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước; hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan tổ chức, đơn vị hoạt động sự nghiệp; hướng dẫn pháp luật về giá và thẩm định giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật; thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

n) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin và giải quyết các thủ tục về nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch kiến trúc đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; thẩm định, phê duyệt dự án, thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình theo phân cấp, ủy quyền; thẩm định thiết kế, dự toán các dự án, công trình, gói thầu đo đạc và bản đồ các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với các gói thầu phá dỡ, thu dọn phế thải xây dựng, di chuyển công trình ngầm, nổi, chặt hạ cây xanh phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; tổ chức xác định về nguồn gốc, hiện trạng quản lý, sử dụng đất và cung cấp hồ sơ địa chính liên quan đến địa điểm đầu tư trên địa bàn quận, huyện, thị xã; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

o) Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội là đầu mối hướng dẫn, cung cấp thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính về thẩm định dự án, điều chỉnh dự án, thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm B, C đầu tư trong các khu công nghiệp, khu chế xuất của Thành phố.

Điều 4. Giao chủ đầu tư dự án và hình thức quản lý dự án

Việc xác định, giao chủ đầu tư dự án phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và phù hợp quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội của Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể như sau:

1. Giao các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố làm chủ đầu tư quản lý dự án dự án cấp Thành phố quản lý.

Trường hợp đặc thù, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xem xét, quyết định giao chủ đầu tư đối với từng trường hợp cụ thể đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong việc tổ chức triển khai thực hiện dự án.

2. Trường hợp không áp dụng hình thức quản lý dự án theo khoản 1 Điều này, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án hoặc chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Xác định danh mục chương trình, dự án và giao đơn vị lập, trình thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư

1. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các sở, ngành chuyên môn của Thành phố phối hợp các Ban quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành thành phố, Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã đề xuất danh mục, thứ tự ưu tiên các chương trình, dự án đầu tư công cấp thành phố Hà Nội thuộc lĩnh vực ngành quản lý cần triển khai đầu tư trong kỳ trung hạn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu đầu tư, trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội dự kiến của nhiệm kỳ và dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn gồm các nội dung: Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư trung hạn, lĩnh vực ưu tiên đầu tư, định hướng cơ cấu đầu tư các ngành, lĩnh vực.

3. Trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về một số nội dung kế hoạch đầu tư công trung hạn nêu tại khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao nhiệm vụ tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trình thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư theo quy định cho các cơ quan, đơn vị như sau:

a) Giao đơn vị trực thuộc đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ;

b) Giao đơn vị trực thuộc hoặc cơ quan chuyên môn đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;

c) Giao sở, ngành chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố. Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố (dự kiến được giao làm chủ đầu tư dự án) có trách nhiệm phối hợp sở, ngành chuyên môn trong việc tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trình thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư theo quy định. Nhiệm vụ cụ thể và mối quan hệ phối hợp của sở, ngành chuyên môn với các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố để thực hiện nhiệm vụ nêu trên sẽ được xác định tại văn bản giao nhiệm

vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở đảm bảo các nội dung quản lý dự án được kiểm soát chặt chẽ, chi phí đầu tư được quản lý đồng bộ, xuyên suốt.

4. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ngành và các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung danh mục các chương trình, dự án đầu tư công phù hợp với tình hình triển khai thực hiện và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn của Thành phố.

Điều 6. Đầu mối thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp Thành phố quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền thông báo cho giai đoạn sau, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn được Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và số vốn tăng thu, thường vượt thu của ngân sách cấp Thành phố (nếu có) dành cho đầu tư phát triển trừ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng công trình thiết yếu có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp Thành phố quản lý quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 115/ 2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

Điều 7. Thẩm định nội bộ

1. Đơn vị được giao thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án hoặc chủ đầu tư (nếu đã xác định) giao đơn vị chuyên môn trực thuộc có chức năng phù hợp làm đầu mối tổ chức thẩm định nội bộ để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; thẩm định chương trình, dự án và thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án theo quy định.

2. Thời gian thẩm định nội bộ không quá 2/3 thời gian thẩm định đối với nội dung tương ứng theo quy định.

Điều 8. Đầu mối thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công cấp Thành phố do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách lĩnh vực

đầu tư của chương trình, dự án làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Hội đồng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan là thành viên Hội đồng và Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng để tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các chương trình đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Đối với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A của Thành phố thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thẩm định nội bộ trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án có quy mô đến nhóm B sử dụng vốn đầu tư công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp Thành phố.

Điều 9. Đầu mối thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công cấp thành phố Hà Nội được thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư dự án có quy mô đến nhóm B thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp Thành phố được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện

1. Đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để thông qua và xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về mục tiêu đầu tư, phương án sử dụng và cân đối nguồn vốn ngân sách cấp huyện đầu tư cho dự án trước khi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công cấp Thành phố đối với dự án nhóm A, Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án đến nhóm B chủ trì thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

3. Sau khi dự án được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 11. Phân công trách nhiệm các đơn vị trong việc đề xuất, thẩm định dự án đầu tư công, công trình xây dựng khẩn cấp

1. Sở, ngành chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trên cơ sở tình huống khẩn cấp có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với công trình có cấu phần xây dựng hoặc văn bản giao nhiệm vụ thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp đối với dự án không có cấu phần xây dựng thuộc Thành phố quản lý theo phân cấp.

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công trình xây dựng khẩn cấp đối với các công trình được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo phải thực hiện nhanh để kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng, nguồn nước, ứng phó sự cố môi trường, phát triển hệ thống công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật Xây dựng được sửa đổi tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xây dựng.

2. Đầu mối thẩm định dự án đầu tư công, công trình xây dựng khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Quy định này.

Điều 12. Đầu mối thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) dự án không cấu phần xây dựng thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố tổ chức lập, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án theo quy định.

2. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quan trọng quốc gia và dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện công việc chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố: Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, trình sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì trình cơ quan quản lý cấp trên của của đầu tư phê duyệt theo quy định.

Điều 13. Đầu mối thẩm định chương trình đầu tư

1. Chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng thẩm định được thành lập tại khoản 1 Điều 8 Quy định này tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp Thành phố.

2. Chương trình đầu tư sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 14. Đầu mối thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư trừ các dự án quy định tại điểm b khoản này.

b) Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các dự án nhóm B, nhóm C trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, của thành phố Hà Nội.

c) Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng các dự án nhóm B, nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư trừ các dự án quy định tại điểm b khoản này.

2. Tổ chức thẩm định của người quyết định đầu tư:

Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn về xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chủ trì tổ chức thẩm định nội dung thẩm định của người quyết định đầu tư báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý và theo phân cấp như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, thẩm định điều chỉnh dự án không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Sở, ngành chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành chịu trách nhiệm thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế dự án và tổng mức đầu tư dự án theo quy định của pháp luật đầu tư công và pháp luật chuyên ngành. Các sở, ngành và đơn vị có liên quan tham gia ý kiến thẩm định các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 16. Đầu mối thẩm định dự án đầu tư sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước

Đầu mối thẩm định dự án đầu tư sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 14, 15 Quy định này.

Điều 17. Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư

Giám đốc các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội được ủy quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình có quy mô đến nhóm C do mình chủ trì thẩm định thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 18. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Trừ các dự án quy định tại khoản 2 Điều này, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành Thành phố chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đến nhóm B trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, của thành phố Hà Nội.

3. Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đến nhóm B do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư trừ các dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 19. Thẩm định thiết kế, dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước dự án không có cấu trúc phần xây dựng

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế chi tiết, dự toán dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Sở, ngành chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành có trách nhiệm thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế chi tiết và dự toán dự án theo quy định của pháp luật đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

Điều 20. Chấp thuận điều chỉnh dự toán vượt dự toán đã được phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt

Giám đốc các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội được ủy quyền xem xét chấp thuận đề xuất của chủ đầu tư về dự toán điều chỉnh trong trường hợp vượt dự toán đã được phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của dự án do mình chủ trì thẩm định thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 21. Chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá hợp đồng trong trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng, dự toán gói thầu, giá gói thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu. Giám đốc các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành, Trưởng Ban

quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội được ủy quyền xem xét chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá hợp đồng theo đề nghị của chủ đầu tư trong trường hợp giá hợp đồng sau điều chỉnh vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt của dự án do mình chủ trì thẩm định thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá hợp đồng đối với gói thầu của dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ giao điều chỉnh.

Điều 22. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được ủy quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư có quy mô đến nhóm B thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trừ các gói thầu mua sắm thiết bị thực hiện theo cơ chế đấu thầu mua sắm tập trung.

Điều 23. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập, trình báo cáo quyết toán đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính được ủy quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành các dự án có quy mô đến nhóm B thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Xử lý chuyển tiếp thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh các thủ tục đầu tư xây dựng của chương trình, dự án đến thời điểm Quy định này có hiệu lực như sau:

1. Đối với hồ sơ thủ tục chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục thẩm định đáp ứng điều kiện để phê duyệt, bao gồm đáp ứng quy định về xử lý chuyển tiếp của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; các nghị định số: 40/2020/NĐ-CP, số 10/2021/NĐ-CP, số 15/2021/NĐ-CP, số 35/2021/NĐ-CP, số 99/2021/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn thi hành của các bộ, ngành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng nhưng chưa phê duyệt, chủ đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền tại Quy định này mà không phải tổ chức thẩm định lại.

2. Đối với hồ sơ thủ tục chủ đầu tư đã nộp cơ quan chủ trì thẩm định nhưng chưa hoàn thành thủ tục thẩm định thì cơ quan chủ trì thẩm định ra thông báo trả

hồ sơ chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền tại Quy định này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung được quy định tại Quy định này.

2. Công tác giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 ngày 10/02/2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân công tổ chức giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư của thành phố Hà Nội.

3. Các chương trình, dự án đầu tư khi phê duyệt điều chỉnh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công; các điều 43, 50, 100 và 102 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ phải thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá trước khi thực hiện điều chỉnh chương trình, dự án theo quy định.

4. Căn cứ thẩm quyền, quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể áp dụng quy định tại Quy định này để tổ chức thực hiện quản lý chương trình, dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của cấp huyện; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý dự án đầu tư công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các chủ đầu tư dự án cần phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định./.

PHỐ HÀ NỘI

21